

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 15-11-2018
V/v Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

Ông Trương Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1948;

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Hòa Trung, xã Thường Thới Hậu A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc T là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú: số 47, đường Lê Hồng Phong, khóm 3, phường An Thạnh, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị Kim O, sinh năm 1964;

2.2. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ cư trú: khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Tiệp K, sinh năm 1977;

3.2. Bà Nguyễn Bích D, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Bình Hòa Trung, xã Thường Thới Hậu A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà P, Luật sư T, bà O có mặt tại phiên tòa; Ông K, bà D vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày: Vào năm 2012, bà có nhờ con trai bà là Nguyễn Tiệp K vay giúp bà số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) của Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N vì bà là người cao tuổi. Trước khi vay tiền thì em gái bà là bà Lê Thị Kim O có nhờ bà vay số tiền trên để chia lại cho bà O vay 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), mục đích để làm ăn, bà O thỏa thuận với bà là sẽ trả lãi cho bà theo lãi suất của ngân hàng. Sau khi vay tiền xong thì con trai bà là ông Nguyễn Tiệp K giao trực tiếp cho bà Lê Thị Kim O nhận số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) trước sân trụ sở Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N. Việc bà Lê Thị Kim O hỏi vay tiền của bà không có làm biên nhận, không làm giấy tờ gì nhưng chồng bà O là ông Đoàn Văn H biết việc này, ngoài ra còn có ông Lê Văn L, bà Lê Thị L và các chị em trong gia đình đều biết việc này vì hàng năm khi đến đám giỗ của cha bà cúng tại nhà ông Lê Văn L thì bà và bà O đều có trao đổi với nhau về việc bà yêu cầu bà O trả tiền nhưng bà O không thống nhất trả tiền cho bà. Trong thời gian vay bà Lê Thị Kim O có trả vốn cho bà được 02 (hai) lần là 8.000.000đ, lần đầu là năm 2014, bà O trả được 7.000.000đồng (bà O đưa tiền trực tiếp cho bà nhận tại nhà của bà O), lần thứ hai là đầu năm 2018, bà O trả thêm được 1.000.000đồng (lần này thì bà O giao tiền cho con gái bà tên Nguyễn Bích D nhận tại nhà của ông Lê Văn L), cả hai lần đều không làm biên nhận. Như vậy, vợ chồng bà O và ông H còn nợ lại bà 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng). Hiện nay, bà đã bán tài sản trả số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) cho Ngân hàng xong. Nhưng bà O và ông H vẫn chưa trả đủ số tiền còn thiếu lại cho bà. Nay bà yêu cầu bà Lê Thị Kim O và ông Đoàn Văn H liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Nếu yêu cầu của bà không được Tòa án chấp nhận thì bà không có yêu cầu gì đối với con trai bà là ông Nguyễn Tiệp K.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P xác định bà không biết việc bà O và ông H mượn số tiền 50.000.000đ của bà về để sử dụng vào mục đích gì.

- Theo bản khai ngày 28/8/2018, ngày 11/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị Kim O thống nhất

trình bày: Việc bà P cho rằng ông bà có nhờ bà P vay tiền của Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N để cho ông bà vay lại là không có. Ông bà không thừa nhận có vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) của bà Lê Thị P. Ông bà cũng không thừa nhận có nhận tiền gì của ông Nguyễn Tiệp K (con trai bà P) giao số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) trước sân trụ sở Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N như lời bà P trình bày. Việc bà P cho rằng hàng năm khi đến đám giỗ cha cúng tại nhà ông Lê Văn L, bà O và bà P đều có trao đổi với nhau về việc bà P yêu cầu bà O trả tiền nhưng bà O không thống nhất trả tiền cho bà P là không có. Ông bà cũng không có trả tiền gì cho bà P số tiền 8.000.000đồng như bà P trình bày. Nay ông bà không thống nhất trả số tiền 42.000.000đồng cho bà Lê Thị P vì ông bà không vay, mượn tiền gì của bà Lê Thị P, cũng không có nhận tiền gì do ông Nguyễn Tiệp K giao.

Ông bà không có yêu cầu gì đối với bà P về số tiền 7.000.000đồng mà bà P cho rằng bà O đã giao trả cho bà P.

Ông bà không có yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Bích D về số tiền 1.000.000đồng mà bà P cho rằng bà O đã giao cho bà D để trả cho bà P.

Tại phiên tòa hôm nay, bà O thừa nhận giữa bà và ông Lê Văn L, bà Lê Thị L, bà Lê Ngọc T, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Bích D không có mâu thuẫn gì. Bà O xác nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đoàn Văn H vẫn đang tồn tại và hợp pháp. Trong đời sống chung giữa vợ chồng dù chuyện lớn, chuyện nhỏ gì hai vợ chồng cũng có sự trao đổi và đồng thuận với nhau.

- Theo biên bản khai ngày 03/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiệp K trình bày: Vào năm 2012, ông trực tiếp vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) giùm cho mẹ ông là bà Lê Thị P tại Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N. Trước đó, dì của ông là bà Lê Thị Kim O có hỏi mẹ ông mượn số tiền 50.000.000đồng, ông có chứng kiến việc này. Sau khi vay tiền xong thì mẹ ông cho bà Lê Thị Kim O mượn 50.000.000đồng, ông là người trực tiếp giao tiền cho bà O, tại trước sân Ngân hàng Dầu khí – Chi nhánh thị xã N, lúc ông giao tiền cho bà O thì chỉ có ông và bà O chứ không có mặt mẹ ông và không có ai khác chứng kiến. Việc ông giao tiền cho bà O mượn là làm theo lời của mẹ ông chứ không phải tiền của ông. Việc mẹ ông cho bà O mượn tiền hai bên không có làm giấy tờ gì và theo ông được biết thì bà O có trả cho mẹ ông được 3.000.000đồng vào năm 2014. Nay mẹ ông đã trả nợ cho ngân hàng xong nhưng bà O mới trả được cho mẹ ông 8.000.000đồng (những lần bà O trả tiền cho mẹ ông thì ông không có trực tiếp chứng kiến mà chỉ nghe nói lại), bà O còn nợ lại mẹ ông 42.000.000đồng. Nếu yêu cầu của mẹ ông (bà Lê thị P) không được Tòa án chấp nhận thì ông không có yêu cầu gì đối với bà Lê Thị Kim O và ông Đoàn Văn H và nếu bà Lê Thị P có yêu cầu ông trả lại số tiền 50.000.000đ ông cũng không đồng ý vì ông đã làm theo lời mẹ ông là đã giao tiền cho bà O mượn xong.

- Theo bản khai ngày 01/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bích D trình bày: Bà biết việc mẹ bà là bà Lê Thị P có cho bà Lê Thị Kim O mượn số tiền 50.000.000đồng vì hàng năm bà Phượng đòi tiền bà O tại nhà ông Lê Văn L, bà O đều hứa trả dần cho bà P. Đầu năm 2018, tại nhà ông Lê Văn L, bà O có đưa cho bà 1.000.000đồng để trả tiền cho bà P, việc này có mẹ của bà là bà Trần Thị N (vợ ông Lê Văn L) chứng kiến.

Nếu yêu cầu của mẹ bà (bà Lê Thị P) không được Tòa án chấp nhận mà bà O có yêu cầu bà trả lại cho bà O số tiền 1.000.000đ mà bà nhận của bà O để trả cho bà P thì bà cũng thống nhất.

- Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm so với quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị P. Buộc bà Lê Thị Kim O và ông Đoàn Văn H trả cho bà Lê Thị P số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) vì mặc dù bà P cho bà O và ông H mượn tiền không có làm giấy tờ, bà O và H không thừa nhận nhưng các chị em trong gia đình như: Ông Lê Văn L, bà Lê Thị L, bà Lê Ngọc T, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Bích D đều xác nhận việc bà Lê Thị Kim O có mượn tiền của bà Lê Thị P là có thật. Tại phiên tòa bà O thừa nhận giữa bà và ông L, bà L, bà T, bà N, bà D không có mâu thuẫn gì.

- Tại phiên tòa hôm nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Mặc dù việc bà Phượng cho bà O mượn số tiền 50.000.000đ không có làm giấy tờ nhưng qua các lời khai của ông Lê Văn L, bà Lê Thị L, bà Lê Ngọc T, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Bích D cũng đủ xác định lời trình bày của nguyên đơn là có thật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị P. Buộc bà Lê Thị Kim O và ông Đoàn Văn H trả cho bà Lê Thị P số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng). Bà P không yêu cầu bà O và ông H trả tiền lãi cho bà P là có một phần thiệt thòi cho bà P nhưng bà P tự nguyện không yêu cầu tính lãi, mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đoàn Văn H, ông Nguyễn Tiệp K, bà Nguyễn Bích D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của bà Lê Thị P yêu cầu bà Lê Thị Kim O và ông Đoàn Văn H liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

+ Việc bà P cho bà O mượn không có làm giấy tờ, bà P cho rằng khi bà cho bà O mượn tiền có em trai ông Lê Văn L, em gái bà Lê Thị L, em gái bà Lê Ngọc T biết và chính con trai bà là ông Nguyễn Tiệp K trực tiếp giao số tiền 50.000.000đ cho bà O mượn. Mặc dù bà P cho bà O mượn không có làm giấy tờ nhưng qua xác minh thì những người làm chứng như: Ông Lê Văn L, bà Lê Thị L, bà Trần Thị N, bà Nguyễn Tuyết H xác định: Mặc dù họ không trực tiếp chứng kiến việc bà P cho bà O vay tiền nhưng qua nhiều lần đám giỗ tại nhà ông L họ có trực tiếp chứng kiến thấy bà P đòi tiền bà O nhưng bà O không chịu trả tiền cho bà P. Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị L xác định có đến Tòa án theo sự triệu tập của Tòa án để trình bày bản khai ngày 01/10/2018, bà L thống nhất nội dung bản khai ngày 01/10/2018 của bà, không có gì thay đổi. Ông Lê Văn L, bà Lê Thị L, bà Lê Ngọc T, bà Trần Thị N đều là chị, em với bà Lê Thị P và bà Lê Thị Kim O nên không thể có việc bênh vực người này mà bỏ người kia. Do đó lời khai của họ là khách quan và có căn cứ.

+ Bà O không thừa nhận có trả cho bà P 8.000.000đ nhưng bà P thừa nhận bà O có trả cho bà P 8.000.000đ, đây là sự tự nguyện của đương sự nên công nhận sự tự nguyện này. Số tiền 8.000.000đ mà bà O trả cho bà P được trừ vào số tiền 50.000.000đ mà bà O mượn của bà P nên bà Lê Thị Kim O còn thiếu lại bà Lê Thị P 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P cho rằng bà O mượn tiền của bà mục đích là để làm ăn và khi bà O mượn tiền của bà thì ông H có biết. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bà O thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đoàn Văn H vẫn đang tồn tại và hợp pháp. Trong đời sống chung giữa vợ chồng bà dù chuyện lớn, chuyện nhỏ gì hai vợ chồng cũng có sự trao đổi và đồng thuận với nhau. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Phụng xác định bà không biết việc bà O và ông H mượn số tiền 50.000.000đ của bà về để sử dụng vào mục đích gì. Bà P cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông Đoàn Văn H có biết việc bà O mượn tiền của bà P, trong khi ông H không thừa nhận là có mượn tiền của bà Phụng nên việc bà Lê Thị P yêu cầu ông Đoàn Văn H có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lê Thị Kim O trả nợ cho bà Lê Thị P là không có căn cứ.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có một phần căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị P. Buộc bà Lê Thị Kim O trả cho bà Lê Thị P số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim O phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 288, 499 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị P.

Buộc bà Lê Thị Kim O trả cho bà Lê Thị P số tiền 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị Kim O chịu 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (Bà Lê Thị P là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo